



PE TỶ TRỌNG THẤP MẠCH THẲNG



Chandra Asri
Petrochemical

UF1820S1

Màng nhựa

CÁC TÍNH CHẤT:

- Đồng trùng hợp butene
- Khả năng gia công và khả năng mở tuyệt vời
- Tính trượt và chống đóng khối cao
- Độ bền va đập tốt
- Tuân thủ Quy định 21CFR177.1520 của FDA

ỨNG DỤNG:

- Màng thổi
- Túi rác, lớp lót trong, và túi đi chợ
- Màng nhựa nông nghiệp và đa lớp

Các đặc tính vật lý	Phương pháp thí nghiệm ¹	Đơn vị	Giá trị
Tỷ trọng	ASTMD1505	g/cm ³	0.922
Chỉ số chảy (190°C/2.16kg)	ASTMD1238	g/10phút	2.0
Nhiệt độ hóa mềm Vicat	ASTMD746	°C	101
Nhiệt độ giòn	ASTMD 746	°C	<-70

Các đặc tính màng		@30micron,BUR=2.0:1		
Va đập Dart,F ₅₀		ASTMD1709	g	70
Cường độ chịu xé Elmendorf,	MD/TD**	ASTMD1922	kgf/cm	30/150
Cường độ chịu kéo tại điểm đứt	MD/TD	ASTMD882	MPa	40/20
Độ giãn dài tại điểm đứt	MD/TD	ASTMD882	%	750/800
Độ mờ		ASTMD3420	%	20
Độ bóng,45 ⁰		ASTMD 1003	%	46
Độ trong		ASTMD 2457	%	25
Hệ số ma sát(COF)Chống		ASTMD1746	-	0.05
đóng khối		ASTMD1894	gf/100cm ³	30

*Nhựa PE được thí nghiệm theo ASTMD1928

** MD: Chiều thổi màng TD: Chiều ngang màng

Chuyển đổi: 1 MPa = 10.2 kgf/cm²

1 kJ/m² = 0.01 kgf.cm/mm²

Các điều kiện gia công khuyến nghị:

Nhiệt độ nóng chảy.....170-200°C
Hệ số thổi (BUR).....1.5-3.5

Vật liệu này tuân thủ các khuyến nghị và quy chế pháp định ở Hoa Kỳ, Nhật Bản và hầu hết các nước Châu Âu về các vật liệu đóng gói dự kiến tiếp xúc với thực phẩm.

Các đặc tính danh định được nêu trong đây là các đặc tính điển hình của sản phẩm của CAPC nhưng không phản ánh dung sai thí nghiệm thông thường và do đó không được coi là đặc tính kỹ thuật.

CAPC bảo lưu quyền cải cách hoặc sửa đổi thành phần của bất kỳ loại sản phẩm nào mà không thay đổi mã sản phẩm.

Văn bản này nêu thông tin chính xác và trung thực theo sự hiểu biết tốt nhất của chúng tôi về các sản phẩm được sản xuất bởi CAPC. Do CAPC không dự tính hoặc kiểm soát được các điều kiện mà theo đó thông tin và sản phẩm có thể được sử dụng, mỗi người dùng cần xem xét thông tin trong ngữ cảnh cụ thể của ứng dụng dự định. CAPC sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại thuộc bất kỳ bản chất nào là kết quả của việc sử dụng hoặc tin tưởng vào thông tin đó.

Bảng dữ liệu kỹ thuật này có hiệu lực kể từ tháng 01/2013 và thay thế mọi dữ liệu đã xuất bản trước đó.

PT.ChandraAsriPetrochemicalTbkWism
aBaritoPacificTowerA, 7th Floor Jl. Let. Jend. S.
Parman Kav. 62-63 Jakarta 11410, Indonesia
T+6221-5307950, F+6221-5308930
www.chandra-asri.com

